

**CÔNG TY CỔ PHẦN
VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;
- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Đỗ Xuân Quang	Chủ tịch
Ông Nguyễn Bích Lâm	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Nam Tiến	Thành viên
Ông Vũ Thế Đức	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Nhiên	Thành viên
Ông Goh Hock Choy	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Điệp	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Phan Minh Hoàng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Bình	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Bích Lâm	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Diệu	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN



Số: 12.131/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 23 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 29 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012



LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN



NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		80.334.395.942	43.698.790.398
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	26.219.671.692	5.730.038.178
1. Tiền	111		7.091.346.232	1.935.355.049
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.128.325.460	3.794.683.129
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	6.724.712.000	8.879.108.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.724.712.000	8.879.108.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	41.283.087.519	23.073.003.551
1. Phải thu khách hàng	131		24.565.814.331	24.240.554.491
2. Trả trước cho người bán	132		53.168.200	44.349.409
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		20.512.352.500	389.244.325
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(3.848.247.512)	(1.601.144.674)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.106.924.731	6.016.640.669
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		69.259.897	85.584.806
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		52.862.360	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.4)	5.984.802.474	5.931.055.863

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		54.467.127.609	57.366.769.766
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		4.778.749.624	3.622.418.199
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	3.238.491.870	3.557.553.435
+ Nguyên giá	222		8.315.886.286	8.150.490.325
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.077.394.416)	(4.592.936.890)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.6)	1.540.257.754	64.864.764
+ Nguyên giá	228		1.622.084.179	87.672.720
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(81.826.425)	(22.807.956)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.7)	49.528.083.327	53.662.565.327
1. Đầu tư vào công ty con	251		13.500.000.000	13.500.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26.425.360.000	24.204.680.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		10.522.755.327	16.581.885.327
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(920.032.000)	(624.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		160.294.658	81.786.240
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		70.317.698	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		89.976.960	81.786.240
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		134.801.523.551	101.065.560.164

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		27.697.205.190	26.919.641.411
I. Nợ ngắn hạn	310		27.432.813.797	26.831.260.585
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.8)	3.559.482.917	721.681.857
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.8)	10.073.951.600	16.085.682.933
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.9)	3.268.432.609	896.694.332
5. Phải trả người lao động	315		662.076.319	1.687.544.727
6. Chi phí phải trả	316	(5.10)	5.909.701.429	2.015.374.684
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.11)	1.252.973.664	1.678.922.014
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.12)	2.706.195.259	3.745.360.038
II. Nợ dài hạn	330		264.391.393	88.380.826
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	20.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		244.391.393	68.380.826
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.104.318.361	74.145.918.753
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.13.1)	107.104.318.361	74.145.918.753
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.13.2)	56.000.000.000	56.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.402.850.000	2.402.850.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(155.000.000)	(155.000.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.518.000.000	1.018.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.13.5)	47.338.468.361	14.880.068.753
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		134.801.523.551	101.065.560.164

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		1.334.673,73	1.152.341,82
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

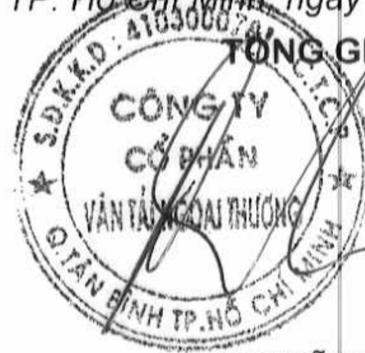
KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		185.028.887.941	193.027.100.383
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	185.028.887.941	193.027.100.383
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	161.826.105.116	179.018.526.221
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.202.782.825	14.008.574.162
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	41.280.328.973	17.954.319.322
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	3.803.172.755	8.823.276.658
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	10.927.574.734	8.012.948.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		49.752.364.309	15.126.668.450
11. Thu nhập khác	31		11.181.818	37.831.011
12. Chi phí khác	32		22.200.442	
13. Lợi nhuận khác	40		(11.018.624)	37.831.011
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		49.741.345.685	15.164.499.461
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	3.529.946.077	1.398.231.372
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		46.211.399.608	13.766.268.089

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		49.741.345.685	15.164.499.461
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		760.412.137	728.238.935
Các khoản dự phòng	03		2.543.134.838	915.185.322
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.291.661.453)	(1.649.036.710)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(35.020.367.693)	(8.032.436.995)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		16.732.863.514	7.126.450.013
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.123.809.933	(524.633.923)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(1.576.731.792)	(2.604.509.071)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(53.992.789)	(253.236)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(1.102.272.359)	(1.663.001.118)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.359.425.000	1.164.640.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.319.853.970)	(2.314.984.442)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		15.163.247.537	1.183.708.223
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.938.944.004)	(327.392.992)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		11.181.818	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(18.877.762.000)	(21.518.352.500)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		26.262.000.000	18.092.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.220.680.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			400.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.450.761.317	10.083.466.995
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.686.557.131	6.729.721.503

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(11.217.709.000)	(10.279.254.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(11.217.709.000)	(10.279.254.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		19.632.095.668	(2.365.824.774)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.730.038.178	7.897.028.376
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		857.537.846	198.834.576
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		26.219.671.692	5.730.038.178

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN BÍCH LÂN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0964/2001/QĐ/BTM, ngày 10 tháng 09 năm 2001 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Dịch Vụ Kho Vận thành Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103000781, ngày 14 tháng 01 năm 2002 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 12 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại A8, Đường Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 56 tỷ đồng.

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 bao gồm:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 0113002776, ngày 19 tháng 08 năm 2003 và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0302511219-001 vào ngày 28 tháng 06 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0203010121, ngày 10 tháng 10 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Các dịch vụ về vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, đại lý quản lý vỏ container cho các hãng tàu, cung ứng tàu biển;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh các dịch vụ về gom hàng lẻ xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa công cộng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp và nhận ủy thác xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh cho thuê văn phòng làm việc, kho bãi;
- Dịch vụ các thủ tục hải quan và các dịch vụ có liên quan đến giao nhận vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu: tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, kiểm kiện ...;

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Các dịch vụ thương mại;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hạch toán trong kỳ, riêng các khoản mục phi tiền tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
+ Máy móc, thiết bị	03 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05 năm
+ Phần mềm vi tính	03 - 10 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

4.7. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ là 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.8. Lương

Căn cứ theo quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Trong năm 2011, Công ty trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2010 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ - ĐH ĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011.

4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Công ty ghi nhận doanh thu trong kỳ dựa trên hóa đơn tài chính được phát hành.

4.11. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

- Ưu đãi, miễn giảm thuế: Theo Thông tư 128/2003/TT-BTC, ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài Chính, Công ty được miễn thuế 2 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2002) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo. Thuế suất ưu đãi là 20% trong 10 năm, kể từ khi cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2002).

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.12. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác, tài sản tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.13. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	1.057.230.573	182.747.958
Tiền gửi ngân hàng	6.034.115.659	1.752.607.091
Các khoản tương đương tiền	19.128.325.460	3.794.683.129
Tổng cộng	26.219.671.692	5.730.038.178

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	1.124.712.000	8.879.108.000
Cho vay	5.600.000.000	-
Tổng cộng	6.724.712.000	8.879.108.000

Cho vay là khoản cho Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con vay với thời hạn 3 tháng, lãi suất 14%/năm (xem thêm mục 7).

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	24.565.814.331	24.240.554.491
Trả trước cho người bán	53.168.200	44.349.409
Các khoản phải thu khác	20.512.352.500	389.244.325
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	45.131.335.031	24.674.148.225
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(3.848.247.512)	(1.601.144.674)
Giá trị thuần của các khoản phải thu	41.283.087.519	23.073.003.551

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khác có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Lợi nhuận được chia phải thu Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Vector Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con (xem thêm mục 7)	20.140.000.000	-
Cho Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na) vay, lãi suất 0%	372.352.500	372.352.500
Khác	-	16.891.825
Cộng	20.512.352.500	389.244.325

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.4. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	441.952.474	457.425.863
Ký quỹ	<u>5.542.850.000</u>	<u>5.473.630.000</u>
Tổng cộng	<u>5.984.802.474</u>	<u>5.931.055.863</u>

Các khoản ký quỹ có chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Ký quỹ cho các hãng hàng không	5.509.860.000	5.445.640.000
Ký quỹ khác	<u>32.990.000</u>	<u>27.990.000</u>
Cộng	<u>5.542.850.000</u>	<u>5.473.630.000</u>

5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	3.337.273.150	30.070.091	3.786.093.177	997.053.907	8.150.490.325
Mua trong năm	-	-	-	404.532.545	404.532.545
Thanh lý trong năm	-	(30.070.091)	-	(209.066.493)	(239.136.584)
Số dư cuối năm	<u>3.337.273.150</u>	<u>-</u>	<u>3.786.093.177</u>	<u>1.192.519.959</u>	<u>8.315.886.286</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.005.565.091	30.070.091	1.951.306.997	605.994.711	4.592.936.890
Khấu hao trong năm	220.130.220	-	251.763.648	229.499.800	701.393.668
Thanh lý trong năm	-	(30.070.091)	-	(186.866.051)	(216.936.142)
Số dư cuối năm	<u>2.225.695.311</u>	<u>-</u>	<u>2.203.070.645</u>	<u>648.628.460</u>	<u>5.077.394.416</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.331.708.059	-	1.834.786.180	391.059.196	3.557.553.435
Tại ngày cuối năm	<u>1.111.577.839</u>	<u>-</u>	<u>1.583.022.532</u>	<u>543.891.499</u>	<u>3.238.491.870</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.899.683.485 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm vi tính
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	87.672.720
Mua trong năm	1.534.411.459
Số dư cuối năm	<u>1.622.084.179</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	22.807.956
Khấu hao trong năm	59.018.469
Số dư cuối năm	<u>81.826.425</u>
Giá trị còn lại	
Tại ngày đầu năm	64.864.764
Tại ngày cuối năm	<u>1.540.257.754</u>

5.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty con	13.500.000.000	13.500.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	26.425.360.000	24.204.680.000
Đầu tư dài hạn khác	10.522.755.327	16.581.885.327
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	50.448.115.327	54.286.565.327
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(920.032.000)	(624.000.000)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>49.528.083.327</u>	<u>53.662.565.327</u>

Đầu tư vào công ty con là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation) với tỷ lệ vốn góp là 90%.

(Phần tiếp theo ở trang 20)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Hải Jardine (Jardine)	51,00%	1.623.330.000
Công ty TNHH Kintetsu World Express Việt Nam (Kintetsu)	30,00%	3.565.350.000
Công ty TNHH Dịch Vụ Vận Tải Hàng Không Toàn Cầu Vi Na Vinatrans (VA Express)	40,00%	800.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	29,28%	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (Vinatrans Hà Nội)	22,00%	13.200.000.000
Công ty TNHH Chuyển Phát Nhanh Expo Vi Na (Expo Vi Na)	39,00%	624.000.000
Công ty TNHH United Arab Shipping Agency (Việt Nam)	49,00%	<u>2.220.680.000</u>
Cộng		<u>26.425.360.000</u>

Đầu tư dài hạn khác có chi tiết như sau:

	Tỷ lệ vốn góp	Giá trị vốn góp
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vi Na Vinatrans (V truck)	9,81%	726.150.000
Công ty Liên doanh Vận Tải Việt Nhật (Konoike Vina)	9,15%	4.917.335.327
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải và Thương Mại (Vinalink)	1,22%	1.650.000.000
Công ty Nissin	31,00%	<u>3.229.270.000</u>
Cộng		<u>10.522.755.327</u>

5.8. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	3.559.482.917	721.681.857
Người mua trả tiền trước	<u>10.073.951.600</u>	<u>16.085.682.933</u>
Tổng cộng	<u>13.633.434.517</u>	<u>16.807.364.790</u>

Phải trả người bán và người mua trả tiền trước là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty, trong đó khoản phải trả Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con là 539.604.731 đồng (xem thêm mục 7).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	315.092.582	555.240.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.553.371.642	125.697.924
Các loại thuế khác	399.968.385	215.755.800
Tổng cộng	3.268.432.609	896.694.332

5.10. Chi phí phải trả

	Cuối năm	Đầu năm
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Sài Gòn	4.535.283.866	960.085.249
Chi phí làm hàng phải trả - Chi nhánh Hà Nội	339.069.394	120.289.435
Tiền thưởng năng suất phải trả	713.510.380	800.000.000
Khác	321.837.789	135.000.000
Tổng cộng	5.909.701.429	2.015.374.684

5.11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation) - Công ty con	-	1.260.000.000
Cổ tức phải trả	133.881.000	385.513.500
Nhận ký quỹ ngắn hạn	313.425.000	-
Khác	805.667.664	33.408.514
Tổng cộng	1.252.973.664	1.678.922.014

5.12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	3.745.360.038	3.477.287.260
Trích lập trong năm	2.084.000.000	1.321.000.000
Sử dụng trong năm	(3.123.164.779)	(940.149.442)
Giảm khác	-	(112.777.780)
Số dư cuối năm	2.706.195.259	3.745.360.038

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13. Vốn chủ sở hữu

5.13.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	-	395.000.000	-	12.912.890.884	71.555.740.884
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	13.766.268.089	13.766.268.089
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	623.000.000	-	-	-	623.000.000
Tăng khác	-	-	-	395.000.000	-	250.000.000	197.009.780	842.009.780
Giảm khác	-	-	-	-	(395.000.000)	(250.000.000)	(11.996.100.000)	(12.641.100.000)
Số dư đầu năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	1.018.000.000	-	-	14.880.068.753	74.145.918.753
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	-	46.211.399.608	46.211.399.608
Tăng do phân phối quỹ	-	-	-	500.000.000	-	-	-	500.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(13.753.000.000)	(13.753.000.000)
Số dư cuối năm nay	56.000.000.000	2.402.850.000	(155.000.000)	1.518.000.000	-	-	47.338.468.361	107.104.318.361

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.13.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty Cổ phần Giao Nhận Kho Vận Ngoại Thương Việt Nam	6.080.000.000	10,86%	6.080.000.000	10,86%
Đối tượng khác	49.920.000.000	89,14%	49.920.000.000	89,14%
Tổng cộng	56.000.000.000	100,00%	56.000.000.000	100,00%

5.13.3. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức đã chi trả trong năm:	11.217.709.000	10.279.254.500
Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 23 tháng 04 năm 2011:		
<ul style="list-style-type: none"> ▪ Cổ tức năm 2010 được công bố là 20% (trong đó 10% được chia trong năm 2010, 10% được chia trong năm 2011). ▪ Cổ tức năm 2011 sẽ được công bố trong đại hội cổ đông năm 2012. Trong năm 2011, Công ty đã tạm chia cổ tức đợt 1 với tỷ lệ 10%. 		

5.13.4. Cổ phần

	Cuối năm	Đầu năm
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra công chúng	5.600.000	5.600.000
▪ Số lượng cổ phần phổ thông được mua lại	15.500	15.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	5.584.500	5.584.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

5.13.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	14.880.068.753	12.912.890.884
Chia cổ tức năm trước	(5.584.500.000)	(4.467.600.000)
Lợi nhuận sau thuế trong năm	46.211.399.608	13.766.268.089
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(500.000.000)	(623.000.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.084.000.000)	(1.321.000.000)
Chia cổ tức năm nay	(5.584.500.000)	(5.584.500.000)
Tăng khác	-	197.009.780
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	47.338.468.361	14.880.068.753

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu - Phòng hàng không	48.460.431.918	68.845.609.475
Doanh thu - Phòng đường biển	56.451.091.684	71.447.294.845
Doanh thu - Phòng Logistics	21.597.407.283	17.741.971.631
Doanh thu - Phòng phát triển kinh doanh	33.814.461.499	12.929.621.849
Doanh thu - Phòng Bình Dương	83.727.645	2.221.666.288
Doanh thu - Bảo quản hàng hóa	4.783.981.333	5.078.488.038
Doanh thu - Chi nhánh Hà Nội	19.837.786.579	14.762.448.257
Tổng cộng	185.028.887.941	193.027.100.383

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.901.206	432.637.549
Chi phí nhân công	13.601.216.806	11.687.003.238
Chi phí khấu hao tài sản cố định	616.327.038	541.412.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.461.119.565	160.302.643.936
Chi phí bằng tiền khác	6.849.540.501	6.054.828.760
Tổng cộng	161.826.105.116	179.018.526.221

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.248.942.656	9.921.882.327
Lợi nhuận được chia	33.856.048.281	7.504.928.779
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.175.338.036	527.508.216
Tổng cộng	41.280.328.973	17.954.319.322

(Phần tiếp theo ở trang 25)

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	3.507.140.755	8.866.415.600
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	296.032.000	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	-	(43.138.942)
Tổng cộng	<u>3.803.172.755</u>	<u>8.823.276.658</u>

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.216.066.850	2.984.712.579
Chi phí đồ dùng văn phòng	36.597.273	209.203.970
Chi phí khấu hao tài sản cố định	144.085.099	186.826.197
Chi phí dự phòng	2.460.403.869	993.648.621
Chi phí bằng tiền khác	5.070.421.643	3.638.557.009
Tổng cộng	<u>10.927.574.734</u>	<u>8.012.948.376</u>

6.6. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	49.741.345.685	15.164.499.461
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	2.764.019.747	1.235.580.009
Trừ các khoản điều chỉnh giảm, trong đó:	(35.149.469.557)	(9.550.257.416)
- Lợi nhuận được chia	(33.856.048.281)	(7.504.928.779)
- Giảm khác	(1.293.421.276)	(2.045.328.637)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	(1.175.338.036)	(565.339.227)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	16.180.557.839	6.284.482.827
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.236.111.568	1.256.896.565
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	293.834.509	141.334.807
Chi phí thuế TNDN phải nộp hiện hành	<u>3.529.946.077</u>	<u>1.398.231.372</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo quy định của Luật thuế không được xem là chi phí được khấu trừ khi tính thuế TNDN.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	297.901.206	432.637.549
Chi phí nhân công	16.817.283.656	14.671.715.817
Chi phí khấu hao tài sản cố định	760.412.137	728.238.935
Chi phí dự phòng	2.460.403.869	993.648.621
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.461.119.565	160.302.643.936
Chi phí bằng tiền khác	11.956.559.417	9.902.589.739
Tổng cộng	172.753.679.850	187.031.474.597

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan với Công ty:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Dịch Vụ Hàng Không Véc Tơ Quốc Tế (Vector Aviation)	Công ty con

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư công nợ phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu (xem thêm mục 5.2 và 5.3)	25.740.000.000	261.800.968
Phải trả (xem thêm mục 5.8)	539.604.731	1.764.092.141

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.609.467.071	2.886.435.577
Mua dịch vụ	2.912.107.117	8.247.865.240
Lợi nhuận được chia	27.000.000.000	3.240.000.000
Cho vay	5.600.000.000	-

- Lương Ban Tổng Giám đốc và thù lao Hội đồng quản trị:

	Năm nay	Năm trước
Lương Ban Tổng Giám đốc	1.093.120.000	1.048.500.000
Thù lao Hội đồng quản trị	278.500.000	243.953.848
Tổng cộng	1.371.620.000	1.292.453.848

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.219.671.692	5.730.038.178
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.229.919.319	23.011.762.317
Đầu tư ngắn hạn	6.724.712.000	8.879.108.000
Đầu tư dài hạn	10.226.723.327	16.581.885.327
Tài sản tài chính khác	5.632.826.960	5.555.416.240
Tổng cộng	90.033.853.298	59.758.210.062
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	14.750.740.517	17.212.878.290
Chi phí phải trả	5.196.191.049	1.215.374.684
Tổng cộng	19.946.931.566	18.428.252.974

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

- Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

▪ Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
Đồng Việt Nam (USD)	28.519,63	66.720,30	1.578.415,03	1.607.269,43

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 7.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	14.730.740.517	20.000.000	14.750.740.517
Chi phí phải trả	5.196.191.049	-	5.196.191.049

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI NGOẠI THƯƠNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán và phải trả khác	17.192.878.290	20.000.000	17.212.878.290
Chi phí phải trả	1.215.374.684	-	1.215.374.684

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.229.919.319	-	41.229.919.319
Đầu tư ngắn hạn	6.724.712.000	-	6.724.712.000
Đầu tư dài hạn khác	-	10.226.723.327	10.226.723.327
Tài sản tài chính khác	5.542.850.000	89.976.960	5.632.826.960

31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.011.762.317	-	23.011.762.317
Đầu tư ngắn hạn	8.879.108.000	-	8.879.108.000
Đầu tư dài hạn khác	-	16.581.885.327	16.581.885.327
Tài sản tài chính khác	5.473.630.000	81.786.240	5.555.416.240

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 23 tháng 03 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ NGỌC ANH



TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN BÍCH LÂN